TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh.
2. Ông Hoàng Văn T.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn 3 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Quan Văn K, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn 3 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N có mặt tại phiên toà; anh K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Hoàng Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và Anh Quan Văn K được tự do tìm hiểu và yêu nhau, có quan hệ hôn nhân hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang ngày 03/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn 3 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; được bố mẹ đẻ chị cho nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về việc làm ăn kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau hay chăm sóc cho gia đình chung. Chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng không hoà giải được, vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau, anh K cũng không thay đổi, không tu chí làm ăn. Nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Quan Văn K.

Về con chung: Chị Hoàng Thị N xác định, chị và Anh Quan Văn K có 01 con chung, cháu Quan Trấn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013. Khi ly hôn chị đề nghị được là người nuôi con, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quan Trấn T.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Hoàng Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự và tại buổi hoà giải bị đơn, Anh Quan Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, Anh Quan Văn K xác định anh và chị Hoàng Thị N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định vào năm 2013, đúng như Chị N trình bày. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã do anh mải chơi, không tu chí làm ăn, vợ khuyên bảo nhiều lần không nghe. Tuy nhiên, việc Chị N xin ly hôn là việc anh không muốn, anh mong Chị N cho anh thêm cơ hội để sửa sai, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Quan Văn K cũng xác nhận anh và chị Hoàng Thị N có 01 con chung, cháu Quan Trấn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013. Do chưa muốn ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản và vay nợ chung: Do Anh Quan Văn K chưa muốn ly hôn nên anh không có ý kiến gì về tài sản và vay nợ chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, do anh K không thường xuyên ở nhà, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh K; làm việc và hoà giải trực tiếp cho Chị N và anh K tại Trường Lao động xã hội Thanh Xuân nơi anh K đang học tập và rèn luyện tại thời điểm làm việc; xác minh tại gia đình bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị N. Kết quả xác minh thể hiện, anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn 3 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, việc anh K không đến Tòa án để làm việc và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thể hiện ý thức chủ quan của anh K, anh K cũng trình bày trong quá trình giải quyết vì chưa muốn ly hôn nên không đến Toà án để làm việc và giải quyết ly hôn.

Ông Hoàng Văn L, bố đẻ của chị Hoàng Thị N cung cấp thông tin xác nhận vợ chồng chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K kết hôn hợp pháp năm 2013, sau khi kết hôn vợ chồng Chị N và anh K ở riêng trên đất của vợ chồng ông L. Do anh K ham chơi, không chịu lao động kiếm sống còn sử dụng ma tuý, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần không nghe nên vợ chồng mâu thuẫn. Chị N phải một mình đi làm nuôi con, lo cho gia đình, thời gian Chị N đi làm thì con chung của Chị N và anh K là cháu Quan Trấn T gửi vợ chồng ông L chăm sóc giúp, cháu T hiện nay vẫn được đi học và được chăm sóc đầy đủ. Anh K và Chị N không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung đối với cháu Quan Trấn T, cháu T xác nhận cháu là con đẻ của của chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K, cháu không có ý kiến gì về việc bố mẹ ly hôn, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Kết quả xác minh đối với ông Hoàng Văn T, Trưởng thôn 3 Minh Quang, xã M, thể hiện: Chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K là công dân cư trú ở thôn, ông Thiết cũng xác nhận các nội dung về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung, vay nợ chung của Chị N và anh K đúng như thông tin mà ông Hoàng Văn L đã cung cấp cho Toà án và ý kiến trình bày của chị Hoàng Thị N cũng như Anh Quan Văn K trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với Anh Quan Văn K. Về con chung, giao cháu Quan Trấn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị N chưa yêu cầu và quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của Chị N và kết quả xác minh đều thể hiện là không có, Chị N không đề nghị giải quyết về những nội dung này nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, Anh Quan Văn K không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, ý kiến của chị Hoàng Thị N; ý kiến của Anh Quan Văn K trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, ngày 03 tháng 6 năm 2013; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 3 Minh Quang, xã M, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K ham chơi, không tu chí làm ăn, gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không thay đổi, từ cuối năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, không chung sống cùng nhà. Chị N không còn tình cảm với anh K và xác định vợ chồng không thể hàn gắn được, Chị N đã cho anh K nhiều thời gian để thay đổi nhưng anh K không thay đổi được. Quá trình

giải quyết anh K trình bày muốn Chị N cho cơ hội để thay đổi nhưng thực tế anh K không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, không có việc làm ổn định, ham chơi. Chị N không còn tình cảm với anh K, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, anh K và Chị N đã sống ly thân; giữa anh K và Chị N không có hôn nhân hạnh phúc, gia đình tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N, xử cho Chị N được ly hôn với Anh Quan Văn K.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K đều xác nhận có 01 con chung, cháu Quan Trấn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013; khi ly hôn Chị N đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Qua ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh thể hiện, Chị N có việc làm, thu nhập ổn định, có điều kiện tốt hơn để đáp ứng việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ; anh K không có việc làm, thu nhập ổn định, chỗ ở không cố định nên không đảm bảo điều kiện chăm sóc con. Do vậy, giao cháu Quan Trấn T cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu T. Đồng thời, việc giao cháu T cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cũng là nguyện vọng của cháu T. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N chưa yêu cầu; anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự cho quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Quan Văn K vì chưa muốn ly hôn nên không có ý kiến gì về nội dung này. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung giữa Chị N và anh K.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã trực tiếp lấy lời khai của anh K, trực tiếp hoà giải cho anh K và chị Nga, và tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị N và anh K, cũng như đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Tại buổi hoà giải anh K có ý kiến, anh K không đến Toà án làm việc vì không muốn ly hôn, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Quan Văn K không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với Anh Quan Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 03 tháng 06 năm 2013 cho chị Hoàng Thị N và Anh Quan Văn K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Quan Trấn T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013, cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Quan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N chưa yêu cầu; anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0005742 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Quan Văn K không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quan Văn K vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã T, h.Chiêm Hoá, t.Tuyên Quang (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn T	**Lương Thanh Huyền**